

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

Quản lý kế hoạch giảng dạy

-oOo-

Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 1 - Năm học 2026 - 2027

Lưu ý: mỗi ký tự trong dãy 123456789123456 ...(trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ. Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ 1 của học kỳ (Tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp nếu có diễn tả tuần thứ 11,21... của học kỳ. Ngày bắt đầu học kỳ: 07/09/2026

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Sĩ số	Họ và tên	Mã viên chức	Nhóm	Tổ TH	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Tên lớp	Tuần học
1	815020	Cơ sở Toán Tiểu học 1	2	110	Trần Thế Hiền	10993	01		6	3	3	C.E205	DGT1261	1234567890-----
2	815020	Cơ sở Toán Tiểu học 1	2	110	Đinh Thị Hải Bình	11403	02		5	3	3	C.E205	DGT1261	1234567890-----
3	815021	Giáo dục môi trường	2	90	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	10249	01		3	8	3	C.C101	DGT1241	1-345678901-----
4	815021	Giáo dục môi trường	2	90	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	10249	02		4	3	3	C.C101	DGT1241	1-345678901-----
5	815022	Sinh lý trẻ em lứa tuổi tiểu học	2	120	Nguyễn Ngọc Mưu	11277	01		2	6	3	C.C106	DGT1261	1234567890-----
6	815022	Sinh lý trẻ em lứa tuổi tiểu học	2	120	Nguyễn Ngọc Mưu	11277	02		3	6	3	C.C106	DGT1261	1234567890-----
7	815023	Kiểm tra đánh giá kết quả giáo dục ở Tiểu học	2	85	Nguyễn Ngọc Mưu	11277	01		3	3	3	2.B203	DGT1231	1-345678901-----
8	815023	Kiểm tra đánh giá kết quả giáo dục ở Tiểu học	2	85	Nguyễn Ngọc Mưu	11277	02		2	3	3	2.B203	DGT1231	1-345678901-----
9	815050	Tiếng Việt 1	3	110	Nguyễn Thị Thu Hằng	10817	01		2	1	3	C.E205	DGT1261	123456789-----
10			3	110	Nguyễn Thị Thu Hằng	10817			3	1	2	C.E205	DGT1261	123456789-----
11	815050	Tiếng Việt 1	3	110	Nguyễn Thị Thu Hằng	10817	02		2	4	2	C.E205	DGT1261	123456789-----
12			3	110	Nguyễn Thị Thu Hằng	10817			3	3	3	C.E205	DGT1261	123456789-----
13	815054	Cơ sở Toán Tiểu học 3	3	100	Trần Hòa Hiệp	10242	01		4	6	2	C.A204	DGT1251	123456789012-----
14			3	100	Trần Hòa Hiệp	10242			5	4	2	C.A204	DGT1251	123456789012-----
15	815054	Cơ sở Toán Tiểu học 3	3	100	Đinh Thị Hải Bình	11403	02		2	4	2	C.A204	DGT1251	123456789012-----
16			3	100	Đinh Thị Hải Bình	11403			5	1	2	C.E205	DGT1251	123456789012-----
17	815055	Phương pháp dạy học Toán 1	2	50	Trần Thị Lợi	10920	01		3	1	2	C.E102	DGT1251	12345678-----
18			2	50	Trần Thị Lợi	10920			6	6	2	2.B101	DGT1251	12345678-----
19	815055	Phương pháp dạy học Toán 1	2	50	Phạm Sỹ Nam	11202	02		6	8	3	C.A101	DGT1251	1234567890-----
20	815055	Phương pháp dạy học Toán 1	2	50	Giáo dục Tiểu học	ND15	03		4	3	3	2.B002	DGT1251	1234567890-----
21	815055	Phương pháp dạy học Toán 1	2	50	Giáo dục Tiểu học	ND15	04		6	8	3	C.C101	DGT1251	1234567890-----
22	815058	Lý luận văn học	2	100	Trần Thị Hồng Nhung	10553	01		6	1	3	C.A204	DGT1251	1234567890-----
23	815058	Lý luận văn học	2	100	Trần Thị Hồng Nhung	10553	02		5	8	3	C.A204	DGT1251	1234567890-----

Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 1 - Năm học 2026 - 2027

Lưu ý: mỗi ký tự trong dãy 123456789123456...(trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ. Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ 1 của học kỳ (Tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp nếu có diễn tả tuần thứ 11,21... của học kỳ. Ngày bắt đầu học kỳ: 07/09/2026

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Sĩ số	Họ và tên	Mã viên chức	Nhóm	Tổ TH	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Tên lớp	Tuần học
24	815065	Cơ sở Khoa học Xã hội	2	110	Phạm Thị Yến	10938	01		6	6	3	C.E205	DGT1261	1234567890-----
25	815065	Cơ sở Khoa học Xã hội	2	110	Phạm Thị Yến	10938	02		5	6	3	C.E205	DGT1261	1234567890-----
26	815095	Rèn kĩ năng sử dụng Tiếng Việt	2	110	Ngô Tuyết Phụng	10252	01		2	9	2	C.C106	DGT1261	12345678-----
27			2	110	Ngô Tuyết Phụng	10252			5	9	2	C.E205	DGT1261	12345678-----
28	815095	Rèn kĩ năng sử dụng Tiếng Việt	2	110	Nguyễn Thị Hương Giang	11567	02		4	8	3	C.E205	DGT1261	1234567890-----
29	815095	Rèn kĩ năng sử dụng Tiếng Việt	2	110	Nguyễn Thị Minh Phương	11039	03		4	1	3	C.E205	DGT1261	1234567890-----
30	815095	Rèn kĩ năng sử dụng Tiếng Việt	2	110	Nguyễn Thị Minh Phương	11039	04		4	4	2	C.E205	DGT1261	12345678-----
31			2	110	Nguyễn Thị Minh Phương	11039			4	6	2	C.E205	DGT1261	12345678-----
32	815104	Đạo đức và PPGD Đạo đức	3	90	Phạm Thị Yến	10938	01		5	9	2	C.C101	DGT1231	1-34567890123-----
33			3	90	Phạm Thị Yến	10938			6	9	2	C.E205	DGT1231	1-34567890123-----
34	815104	Đạo đức và PPGD Đạo đức	3	90	Phạm Thị Yến	10938	02		3	1	2	2.B203	DGT1231	1-34567890123-----
35			3	90	Phạm Thị Yến	10938			5	4	2	2.B203	DGT1231	1-34567890123-----
36	815107	Phát triển NN cho HSTH trên bình diện trường từ vựng ngữ nghĩa	2	90	Hồ Văn Hải	10176	01		3	6	3	2.B203	DGT1231	1-345678901-----
37	815107	Phát triển NN cho HSTH trên bình diện trường từ vựng ngữ nghĩa	2	90	Hồ Văn Hải	10176	02		2	6	3	1.B101	DGT1231	1-345678901-----
38	815108	Thực tế bộ môn (DGT)	1	180			01		0	0	3		DGT1241	-2-----
39	815404	PPDH Tiếng Việt 2	4	45	Ngô Tuyết Phụng	10252	01		3	8	3	C.B003	DGT1241	1-345678901-----
40			4	45	Ngô Tuyết Phụng	10252			5	6	3	C.B006	DGT1241	1-345678901-----
41	815404	PPDH Tiếng Việt 2	4	45	Ngô Tuyết Phụng	10252	02		2	6	3	C.B006	DGT1241	1-345678901-----
42			4	45	Ngô Tuyết Phụng	10252			4	6	3	C.B006	DGT1241	1-345678901-----
43	815404	PPDH Tiếng Việt 2	4	45	Nguyễn Thị Hương Giang	11567	03		2	3	3	C.B004	DGT1241	1-345678901-----
44			4	45	Nguyễn Thị Hương Giang	11567			5	3	3	C.B003	DGT1241	1-345678901-----
45	815404	PPDH Tiếng Việt 2	4	45	Nguyễn Thị Hương Giang	11567	04		2	1	2	C.B003	DGT1241	1-345678901-----
46			4	45	Nguyễn Thị Hương Giang	11567			3	1	2	C.B002	DGT1241	1-345678901-----
47			4	45	Nguyễn Thị Hương Giang	11567			5	1	2	C.B003	DGT1241	1-345678901-----
48	815405	Tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục ở trường tiểu học	2	100	Nguyễn Ngọc Mưu	11277	01		5	1	3	C.A204	DGT1251	1234567890-----
49	815405	Tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục ở trường tiểu học	2	100	Phạm Thị Yến	10938	02		4	6	3	2.B203	DGT1251	1234567890-----
50	815407	Công nghệ và PPDH Công nghệ	3	90	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	10249	01		4	1	2	C.C101	DGT1231	1-34567890-----

Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 1 - Năm học 2026 - 2027

Lưu ý: mỗi ký tự trong dãy 123456789123456...(trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ. Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ 1 của học kỳ (Tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp nếu có diễn tả tuần thứ 11,21... của học kỳ. Ngày bắt đầu học kỳ: 07/09/2026

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Sĩ số	Họ và tên	Mã viên chức	Nhóm	Tổ TH	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Tên lớp	Tuần học
51	815407	Công nghệ và PPDH Công nghệ	3	90	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	10249	01		6	3	3	1.B101	DGT1231	1-34567890-----
52	815407	Công nghệ và PPDH Công nghệ	3	90	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	10249	02		5	1	2	C.C101	DGT1231	1-34567890-----
53			3	90	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	10249			6	6	3	2.B203	DGT1231	1-34567890-----
54	815410	Hoạt động Trải nghiệm	2	85	Nguyễn Ngọc Mưu	11277	01		5	6	3	2.B203	DGT1241	1-345678901-----
55	815410	Hoạt động Trải nghiệm	2	85	Phạm Thị Yến	10938	02		6	3	3	C.C101	DGT1241	1-345678901-----
56	815412	Phương pháp NCKH ngành GDTH	2	90	Ngô Thị Ngọc Diệp	11159	01		4	6	3	C.A411	DGT1231	1-345678901-----
57	815412	Phương pháp NCKH ngành GDTH	2	90	Ngô Thị Ngọc Diệp	11159	02		2	1	2	2.B203	DGT1231	1-3456789-----
58			2	90	Ngô Thị Ngọc Diệp	11159			4	4	2	C.A204	DGT1231	1-3456789-----
59	815412	Phương pháp NCKH ngành GDTH	2	100	Ngô Thị Ngọc Diệp	11159	03		2	6	2	C.A204	DGT1251	12345678-----
60			2	100	Ngô Thị Ngọc Diệp	11159			3	6	2	C.A204	DGT1251	12345678-----
61	815412	Phương pháp NCKH ngành GDTH	2	100	Trần Thị Nhật	10921	04		4	1	3	C.A204	DGT1251	1234567890-----
62	815502	Giáo dục văn hóa trong dạy học Tiếng Việt ở trường Tiểu học	2	100	Ngô Thị Ngọc Diệp	11159	01		2	8	3	C.A204	DGT1251	1234567890-----
63	815502	Giáo dục văn hóa trong dạy học Tiếng Việt ở trường Tiểu học	2	100	Ngô Thị Ngọc Diệp	11159	02		3	8	3	C.A204	DGT1251	1234567890-----
64	815504	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	3	45	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	10249	01		2	6	3	C.A110	DGT1241	1-34567890-----
65			3	45	Trần Thị Lợi	10920			2	6	3	C.A110	DGT1241	1-34567890-----
66			3	45	Vũ Trọng Đông	11773			2	6	3	C.A110	DGT1241	1-34567890-----
67			3	45	Trần Thị Lợi	10920			3	6	2	C.B003	DGT1241	1-34567890-----
68			3	45	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	10249			3	6	2	C.B003	DGT1241	1-34567890-----
69			3	45	Vũ Trọng Đông	11773			3	6	2	C.B003	DGT1241	1-34567890-----
70			3	45	Trần Thị Lợi	10920	02		3	3	3	C.B003	DGT1241	1-34567890-----
71	815504	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	3	45	Vũ Trọng Đông	11773			3	3	3	C.B003	DGT1241	1-34567890-----
72			3	45	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	10249			3	3	3	C.B003	DGT1241	1-34567890-----
73			3	45	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	10249			6	9	2	2.C003	DGT1241	1-34567890-----
74			3	45	Vũ Trọng Đông	11773			6	9	2	2.C003	DGT1241	1-34567890-----
75			3	45	Trần Thị Lợi	10920			6	9	2	2.C003	DGT1241	1-34567890-----
76			3	45	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	10249	03		2	3	3	C.B003	DGT1241	1-34567890-----
77	815504	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	3	45	Vũ Trọng Đông	11773			2	3	3	C.B003	DGT1241	1-34567890-----
78			3	45	Trần Thị Lợi	10920			2	3	3	C.B003	DGT1241	1-34567890-----

Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 1 - Năm học 2026 - 2027

Lưu ý: mỗi ký tự trong dãy 123456789123456...(trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ. Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ 1 của học kỳ (Tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp nếu có diễn tả tuần thứ 11,21... của học kỳ. Ngày bắt đầu học kỳ: 07/09/2026

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Sĩ số	Họ và tên	Mã viên chức	Nhóm	Tổ TH	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Tên lớp	Tuần học
79	815504	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	3	45	Trần Thị Lợi	10920	03		4	9	2	C.B006	DGT1241	1-34567890-----
80			3	45	Vũ Trọng Đông	11773			4	9	2	C.B006	DGT1241	1-34567890-----
81			3	45	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	10249			4	9	2	C.B006	DGT1241	1-34567890-----
82	815504	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	3	45	Vũ Trọng Đông	11773	04		2	9	2	C.B006	DGT1241	1-34567890-----
83			3	45	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	10249			2	9	2	C.B006	DGT1241	1-34567890-----
84			3	45	Trần Thị Lợi	10920			2	9	2	C.B006	DGT1241	1-34567890-----
85			3	45	Vũ Trọng Đông	11773			5	3	3	C.B002	DGT1241	1-34567890-----
86			3	45	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	10249			5	3	3	C.B002	DGT1241	1-34567890-----
87			3	45	Trần Thị Lợi	10920			5	3	3	C.B002	DGT1241	1-34567890-----
88	862101	Giáo dục thể chất (I)	1	40	Đỗ Thụy Hội Uyên	10452	33		3	8	3	C.S_A01	DGT1261	1234567890-----
89	862101	Giáo dục thể chất (I)	1	40	Lê Thiện Khiêm	10448	34		4	6	3	C.S_B05	DGT1261	1234567890-----
90	862101	Giáo dục thể chất (I)	1	40	Huỳnh Thanh Sơn	10915	35		2	8	3	C.S_B02	DGT1261	1234567890-----
91	862101	Giáo dục thể chất (I)	1	40	Tô Thị Hương	11741	36		5	3	3	C.S_A03	DGT1261	1234567890-----
92	862101	Giáo dục thể chất (I)	1	40	Võ Lê Minh	10625	37		6	3	3	C.S_A01	DGT1261	1234567890-----
93	862406	Giáo dục quốc phòng và an ninh I	3	110	Nguyễn Trung Sơn	20677	05		6	1	2	C.E403	DGT1261	12345678901-----
94			3	110	Nguyễn Trung Sơn	20677			7	1	2	C.E403	DGT1261	12345678901-----
95	862406	Giáo dục quốc phòng và an ninh I	3	110	Nguyễn Đức Trọng	21054	06		6	9	2	2.B201	DGT1261	12345678901-----
96			3	110	Nguyễn Đức Trọng	21054			7	1	2	2.B201	DGT1261	12345678901-----
97	862409	Giáo dục quốc phòng và an ninh IV	4	50	Ngô Văn Quang	11804	33		2	1	5	4.S_QP01	DGT1231	-2-----
98			4	50	Ngô Văn Quang	11804			2	6	5	4.S_QP01	DGT1231	-2-----
99			4	50	Ngô Văn Quang	11804			3	1	5	4.S_QP01	DGT1231	-2-----
100			4	50	Ngô Văn Quang	11804			3	6	5	4.S_QP01	DGT1231	-2-----
101			4	50	Ngô Văn Quang	11804			4	1	5	4.S_QP01	DGT1231	-2-----
102			4	50	Ngô Văn Quang	11804			4	6	5	4.S_QP01	DGT1231	-2-----
103			4	50	Ngô Văn Quang	11804			5	1	5	4.S_QP01	DGT1231	-2-----
104			4	50	Ngô Văn Quang	11804			5	6	5	4.S_QP01	DGT1231	-2-----
105			4	50	Ngô Văn Quang	11804			6	1	5	4.S_QP01	DGT1231	-2-----
106			4	50	Ngô Văn Quang	11804			6	6	5	4.S_QP01	DGT1231	-2-----
107			4	50	Ngô Văn Quang	11804			7	1	5	4.S_QP01	DGT1231	-2-----

Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 1 - Năm học 2026 - 2027

Lưu ý: mỗi ký tự trong dãy 123456789123456 ...(trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ. Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ 1 của học kỳ (Tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp nếu có diễn tả tuần thứ 11,21... của học kỳ. Ngày bắt đầu học kỳ: 07/09/2026

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Sĩ số	Họ và tên	Mã viên chức	Nhóm	Tổ TH	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Tên lớp	Tuần học
108	862409	Giáo dục quốc phòng và an ninh IV	4	50	Ngô Văn Quang	11804	33		7	6	5	4.S_QP01	DGT1231	-2-----
109	862409	Giáo dục quốc phòng và an ninh IV	4	50	Trần Văn Diện	11756	34		2	1	5	4.S_QP02	DGT1231	-2-----
110			4	50	Trần Văn Diện	11756			2	6	5	4.S_QP02	DGT1231	-2-----
111			4	50	Trần Văn Diện	11756			3	1	5	4.S_QP02	DGT1231	-2-----
112			4	50	Trần Văn Diện	11756			3	6	5	4.S_QP02	DGT1231	-2-----
113			4	50	Trần Văn Diện	11756			4	1	5	4.S_QP02	DGT1231	-2-----
114			4	50	Trần Văn Diện	11756			4	6	5	4.S_QP02	DGT1231	-2-----
115			4	50	Trần Văn Diện	11756			5	1	5	4.S_QP02	DGT1231	-2-----
116			4	50	Trần Văn Diện	11756			5	6	5	4.S_QP02	DGT1231	-2-----
117			4	50	Trần Văn Diện	11756			6	1	5	4.S_QP02	DGT1231	-2-----
118			4	50	Trần Văn Diện	11756			6	6	5	4.S_QP02	DGT1231	-2-----
119			4	50	Trần Văn Diện	11756			7	1	5	4.S_QP02	DGT1231	-2-----
120			4	50	Trần Văn Diện	11756			7	6	5	4.S_QP02	DGT1231	-2-----
121	862409	Giáo dục quốc phòng và an ninh IV	4	50	Nguyễn Hữu Rành	10818	35		2	1	5	4.S_QP03	DGT1231	-2-----
122			4	50	Nguyễn Hữu Rành	10818			2	6	5	4.S_QP03	DGT1231	-2-----
123			4	50	Nguyễn Hữu Rành	10818			3	1	5	4.S_QP03	DGT1231	-2-----
124			4	50	Nguyễn Hữu Rành	10818			3	6	5	4.S_QP03	DGT1231	-2-----
125			4	50	Nguyễn Hữu Rành	10818			4	1	5	4.S_QP03	DGT1231	-2-----
126			4	50	Nguyễn Hữu Rành	10818			4	6	5	4.S_QP03	DGT1231	-2-----
127			4	50	Nguyễn Hữu Rành	10818			5	1	5	4.S_QP03	DGT1231	-2-----
128			4	50	Nguyễn Hữu Rành	10818			5	6	5	4.S_QP03	DGT1231	-2-----
129			4	50	Nguyễn Hữu Rành	10818			6	1	5	4.S_QP03	DGT1231	-2-----
130			4	50	Nguyễn Hữu Rành	10818			6	6	5	4.S_QP03	DGT1231	-2-----
131			4	50	Nguyễn Hữu Rành	10818			7	1	5	4.S_QP03	DGT1231	-2-----
132			4	50	Nguyễn Hữu Rành	10818			7	6	5	4.S_QP03	DGT1231	-2-----
133	862409	Giáo dục quốc phòng và an ninh IV	4	50	Phạm Anh Vĩnh	11727	36		2	1	5	4.S_QP04	DGT1231	-2-----
134			4	50	Phạm Anh Vĩnh	11727			2	6	5	4.S_QP04	DGT1231	-2-----
135			4	50	Phạm Anh Vĩnh	11727			3	1	5	4.S_QP04	DGT1231	-2-----
136			4	50	Phạm Anh Vĩnh	11727			3	6	5	4.S_QP04	DGT1231	-2-----

Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 1 - Năm học 2026 - 2027

Lưu ý: mỗi ký tự trong dãy 123456789123456...(trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ. Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ 1 của học kỳ (Tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp nếu có diễn tả tuần thứ 11,21... của học kỳ. Ngày bắt đầu học kỳ: 07/09/2026

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Sĩ số	Họ và tên	Mã viên chức	Nhóm	Tổ TH	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Tên lớp	Tuần học
137	862409	Giáo dục quốc phòng và an ninh IV	4	50	Phạm Anh Vĩnh	11727	36		4	1	5	4.S_QP04	DGT1231	-2-----
138			4	50	Phạm Anh Vĩnh	11727			4	6	5	4.S_QP04	DGT1231	-2-----
139			4	50	Phạm Anh Vĩnh	11727			5	1	5	4.S_QP04	DGT1231	-2-----
140			4	50	Phạm Anh Vĩnh	11727			5	6	5	4.S_QP04	DGT1231	-2-----
141			4	50	Phạm Anh Vĩnh	11727			6	1	5	4.S_QP04	DGT1231	-2-----
142			4	50	Phạm Anh Vĩnh	11727			6	6	5	4.S_QP04	DGT1231	-2-----
143			4	50	Phạm Anh Vĩnh	11727			7	1	5	4.S_QP04	DGT1231	-2-----
144			4	50	Phạm Anh Vĩnh	11727			7	6	5	4.S_QP04	DGT1231	-2-----
145	862409	Giáo dục quốc phòng và an ninh IV	4	50	Huỳnh Vạng Phước	11650	37		2	1	5	4.S_QP05	DGT1231	-2-----
146			4	50	Huỳnh Vạng Phước	11650			2	6	5	4.S_QP05	DGT1231	-2-----
147			4	50	Huỳnh Vạng Phước	11650			3	1	5	4.S_QP05	DGT1231	-2-----
148			4	50	Huỳnh Vạng Phước	11650			3	6	5	4.S_QP05	DGT1231	-2-----
149			4	50	Huỳnh Vạng Phước	11650			4	1	5	4.S_QP05	DGT1231	-2-----
150			4	50	Huỳnh Vạng Phước	11650			4	6	5	4.S_QP05	DGT1231	-2-----
151			4	50	Huỳnh Vạng Phước	11650			5	1	5	4.S_QP05	DGT1231	-2-----
152			4	50	Huỳnh Vạng Phước	11650			5	6	5	4.S_QP05	DGT1231	-2-----
153			4	50	Huỳnh Vạng Phước	11650			6	1	5	4.S_QP05	DGT1231	-2-----
154			4	50	Huỳnh Vạng Phước	11650			6	6	5	4.S_QP05	DGT1231	-2-----
155			4	50	Huỳnh Vạng Phước	11650			7	1	5	4.S_QP05	DGT1231	-2-----
156			4	50	Huỳnh Vạng Phước	11650			7	6	5	4.S_QP05	DGT1231	-2-----
157	862409	Giáo dục quốc phòng và an ninh IV	4	50	Lê Thu Hiền	11496	38		2	1	5	4.S_QP06	DGT1231	-2-----
158			4	50	Lê Thu Hiền	11496			2	6	5	4.S_QP06	DGT1231	-2-----
159			4	50	Lê Thu Hiền	11496			3	1	5	4.S_QP06	DGT1231	-2-----
160			4	50	Lê Thu Hiền	11496			3	6	5	4.S_QP06	DGT1231	-2-----
161			4	50	Lê Thu Hiền	11496			4	1	5	4.S_QP06	DGT1231	-2-----
162			4	50	Lê Thu Hiền	11496			4	6	5	4.S_QP06	DGT1231	-2-----
163			4	50	Lê Thu Hiền	11496			5	1	5	4.S_QP06	DGT1231	-2-----
164			4	50	Lê Thu Hiền	11496			5	6	5	4.S_QP06	DGT1231	-2-----
165			4	50	Lê Thu Hiền	11496			6	1	5	4.S_QP06	DGT1231	-2-----

Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 1 - Năm học 2026 - 2027

Lưu ý: mỗi ký tự trong dãy 123456789123456...(trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ. Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ 1 của học kỳ (Tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp nếu có diễn tả tuần thứ 11,21... của học kỳ. Ngày bắt đầu học kỳ: 07/09/2026

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Sĩ số	Họ và tên	Mã viên chức	Nhóm	Tổ TH	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Tên lớp	Tuần học
166	862409	Giáo dục quốc phòng và an ninh IV	4	50	Lê Thu Hiền	11496	38		6	6	5	4.S_QP06	DGT1231	-2-----
167			4	50	Lê Thu Hiền	11496			7	1	5	4.S_QP06	DGT1231	-2-----
168			4	50	Lê Thu Hiền	11496			7	6	5	4.S_QP06	DGT1231	-2-----
169	863005	Giáo dục học đại cương	2	100	Đặng Thị Thanh Hà	10702	03		7	3	3	C.A203	DGT1261	1234567890-----
170	863005	Giáo dục học đại cương	2	100	Trương Đình Bảo Hương	10431	04		5	1	2	C.C102	DGT1261	12345678-----
171			2	100	Trương Đình Bảo Hương	10431			7	4	2	C.A202	DGT1261	12345678-----
172	863011	Quản lý HCNN & QL Ngành GD-ĐT (GDTH)	2	85	Hoàng Mạnh Khương	10433	01		5	1	3	2.B203	DGT1231	1-345678901-----
173	863011	Quản lý HCNN & QL Ngành GD-ĐT (GDTH)	2	85	Hoàng Mạnh Khương	10433	02		6	1	3	2.B002	DGT1231	1-345678901-----

Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập biểu